Đề số 1

Thời gian 60 phút. Không tham khảo tài liệu.

Phần Lựa chọn (mỗi câu .134 điểm)

1. Tiền xử lý bao gồm những công đoạn chuẩn bị cho in-nhuộm. Có thể là những công đoạn sau:
   A. Đốt lông, giũ hồ, nấu, tẩy, chỉnh cấu trúc
   B. Nhiệt định hình, sanfor, phun ẩm
   C. Nấu, tẩy, giặt khử
   D. Đốt lông, giũ hồ, cán vân
2. Hoàn tất cơ học bao gồm:
   A. Mài mặt vải, chuội keo, ép nhăn,...
   B. Sanfor, cán ủi, xén đầu xơ,...
   C. Sanfor, cán axit (len), cào lông,...
   D. Giảm trọng (PES), cán ủi, xén đầu xơ,...
3. Máy nhuộm beam thuộc loại máy
   A. Vật liệu động, dung dịch động
   B. Vật liệu động, dung dịch tĩnh
   C. Vật liệu tĩnh, dung dịch tĩnh
   D. Vật liệu tĩnh, dung dịch động
4. Trong nguyên lý cấu tạo máy nhuộm không có dạng máy
   A. Vật liệu dệt động, dung dịch động
   B. Vật liệu dệt tĩnh, dung dịch tĩnh
   C. Vật liệu dệt tĩnh, dung dịch động
   D. Vật liệu dệt động, dung dịch tĩnh
5. Xơ cellulose biến tính (axetat) có thể được nhuộm bằng thuốc nhuộm
   A. Axit
   B. Hoạt tính
   C. Trực tiếp
   D. Phân tán
6. Lỗi tailing là hiện tượng lệch màu đầu tấm cuối tấm theo hướng biến đổi dần đều, thường xuất hiện trong nhuộm
   A. Jet
   B. Nhúng
   C. Liên tục
   D. Winch
7. Những xơ thuộc nhóm xơ nhiệt dẻo như:
   A. Polyester, acrylic, len, acetat
   B. Polyamit, cazein, acrylic, acetat
   C. Cotton, polyester, acetat, lyocell
   D. Polyamit, polyester, acrylic, acetat
8. Khi nấu tẩy và nhiệt định hình rất dễ gây vàng vải, cần đặc biệt lưu ý cho vải
   A. Lanh
   B. Polyamide
   C. Polyester
   D. Cotton
9. Mục tiêu chính của công nghệ giảm trọng áp dụng cho vải polyester là
   A. Tạo độ mềm mại cho vải polyester
   B. Làm nhẹ bớt vải polyester
   C. Tăng độ hút ẩm ngang với cotton
   D. Mặt vải trở nên bóng láng
10. Công nghệ in chồng màu mà trong hồ in này cản trở sự gắn màu trong hồ in kia thuộc về công nghệ in
   A. Phá gắn
   B. Bóc màu
   C. Dự phòng
   D. Phá màu
11. Chất oxy hóa dùng để
   A. Tẩy trắng vải, làm tác nhân nhuộm hoàn nguyên và sulphur,...
   B. Bảo vệ thuốc nhuộm, giặt sau làm bóng,...
   C. In hoa (công nghệ in đốt), hồ hoàn tất,...
   D. Giũ hồ sợi dọc, nấu vải cotton,...
12. Quy trình nhuộm phải có giai đoạn oxy hoá chất màu về dạng không tan được áp dụng cho lớp thuốc nhuộm
   A. Hoàn nguyên và cầm màu
   B. Sulphur và hoạt tính
   C. Hoàn nguyên và sulphur
   D. Tất cả đều sai
13. Định hình ướt len là làm đứt các mối liên kết cũ, tạo liên kết mới ở vị trí cân bằng ứng suất. Các mối liên kết đó gồm liên kết muối, liên kết systine và liên kết
   A. Cericine
   B. Fibroin
   C. Chelate
   D. Hydro

14. Giũ hồ là một công đoạn tiền xử lý, nhằm loại bỏ ra khỏi vải những chất
A. Hồ sợi dọc và chất trợ dệt
B. Hồ mềm và chống tĩnh điện
C. Hồ tinh bột và chất chống nhàu
D. Chất trợ dệt và sáp bôi trơn

15. Những công nghệ tiền xử lý: (1) làm bóng, (2) giảm trọng, (3) chuội keo, (4) carbon hóa được lần lượt áp dụng tương ứng cho vải theo thừ tự sau:
A. (1) vải polyester, (2) vải tơ tằm, (3) vải cotton, (4) vải len.
B. (1) vải tơ tằm, (2) vải cotton, (3) vải polyester, (4) vải len.
C. (1) vải cotton, (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải len.
D. (1) vải len. (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải cotton,

16. Có các nguyên tắc tạo hình trên vải như
A. In lưới phẳng, in trực tiếp, in trục
B. In phá màu, in lưới quay, in trục
C. In dự phòng, in lưới quay, in trục
D. In lưới phẳng, in lưới quay, in trục

17. Cán mịn len là công nghệ hoàn tất áp dụng trên vải len nhằm
A. Làm cho vải sạch tạp chất cellulose
B. Làm cho vải nhẹ và mỏng mịn hơn
C. Làm cho vải dầy dặn, tạo lớp tuyết trên bề mặt
D. Tất cả các hiệu quả trên

18. Quá trình in hoa gồm 4 bước công nghệ nối tiếp sau
A. Đưa hồ in lên mặt vải - gắn màu - sấy - hồ hoàn tất
B. Đưa hồ in lên mặt vải - sấy - gắn màu - giặt
C. Đưa hồ in lên mặt vải - sấy - gắn màu - giặt sấy
D. Đưa hồ in lên mặt vải - gắn màu - giặt - sấy

19. Vải thử kèm để thử độ bền màu là loại vải đa thành phần. Vải thử kèm Mulifiber DW có các loại xơ sau:
A. 1) Triacetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Viscose
B. 1) Triacetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Wool
C. 1) Acetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Wool
D. 1) Acetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Viscose

20. Máy nhuộm xử lý vải ở dạng mở khổ không thể là máy
A. Winch
B. Beam
C. Jet
D. Jigger

21. Trong xưởng nhuộm, chất khử dùng để:
A. Bảo vệ vải khỏi bị oxy hoá, làm bóng, ...
B. Hoà tan thuốc nhuộm (hoàn nguyên, lưu hóa), hồ hoàn tất,...
C. Giặt khử thuốc nhuộm phân tán, khử bỏ dầu mỡ trên vải,...
D. Phá hủy chất màu, tẩy trắng, ...

22. Cán a xít là công nghệ áp dụng cho vải dệt từ
A. Xơ lanh
B. Xơ polyamit
C. Xơ cotton
D. Xơ len

23. Hãy tìm mệnh đề đúng
A. Hồi in là sự phối màu trong bộ khuôn in để tạo ra mẫu hoa hài hoà
B. Hồi in là khoảng thời gian thực hiện in một mẫu hoa
C. Hồi in là số khuôn in trong mẫu hoa
D. Hồi hoa là số màu trong mẫu hoa

24. Hoàn tất không đặt mục tiêu
A. Cải thiện bề mặt vải
B. Cải thiện tính chất vải liên quan đến may mặc
C. Cải thiện tính chất vải liên quan đến sử dụng
D. Cải tiến quá trình may mặc

25. Định hình ướt thường được áp dụng cho vải
A. Len và polyester
B. Polyamide và polyester
C. Polyanide và cotton
D. Len và polyamide

26. Polyamide có thể được nhuộm bằng thuốc nhuộm
A. Phân tán, axit, phức kim loại
B. Phân tán, hoàn nguyên, hoạt tinh
C. Phức kim loại, trực tiếp, naphtol
D. Axit, sulphur, hoạt tính

27. Hấp hơi là dùng hơi nước bão hoà cấp nhiệt trực tiếp lên mặt vải. Những công nghệ có dùng hấp hơi như:
A. Sanfor và chỉnh sợi ngang
B. Nấu, tẩy liên tục
C. Nhuộm phân tán cho polyester
D. Nhuộm liên tục pigment

28. Giai đoạn công nghệ nhằm: (i) hoà tan tạp chất tan; (ii) phá huỷ chất đơn giản; (iii) xà phòng hoá các chất dầu thực vật và (iv) nhũ hoá dầu khoáng; là công đoạn:
A. Làm bóng
B. Nấu
C. Tẩy
D. Giặt

29. Mục đích nhiệt định hình là nhằm
A. Đàn hồi
B. Tạo sự ổn định kích thước
C. Bằng phẳng bề mặt
D. Bóng láng bề mặt

30. Thuốc nhuộm áp dụng in hoa phổ biến ở Việt Nam là
A. Phân tán, hoạt tính, oxy hoá
B. Pigment, phân tán, hoạt tính
C. Pigment, phân tán, cầm màu
D. Hoàn nguyên không tan, azo không tan

31. Khi nhúng xơ cellulose vào nước sẽ xuất hiện lớp điện thế màng trên bề mặt xơ và dung dịch.
A. Lớp này tích điện dương về phía xơ
B. Lớp này tích điện âm về phía xơ
C. Lớp điện thế này đảo chiều khi thêm muối
D. Các ý trên đều đúng

32. Nhuộm khối (mass coloration) là thực hiện tạo màu cho xơ nhân tạo
A. Sau khi tơ được định hình
B. Trước khi xơ được tạo thành
C. Trong khi đang tạo xơ
D. Tất cả đều không đúng

33. Đốt lông là một công đoạn quan trọng trong in-nhuộm, nó nhằm đốt sạch những
A. Xơ gây xù lông vải
B. Đầu xơ nhô trên mặt vải
C. Xơ trên vải
D. Đầu sợi trên biên vải

34. Sấy là quá trình trung gian phục vụ cho bảo quản hoặc tạo thông số ổn định trong sản xuất. Có nhiều phương pháp sấy được áp dụng nhưng trong in nhuộm không áp dụng phương pháp
A. Cao tần
B. Hoá chất
C. Tiếp xúc
D. Gió nóng

35. Nhuộm keo (gel dyeing) là thực hiện tạo màu
A. Ngay khi xơ bị nung chảy trên nhiệt độ chuyển thuỷ tinh
B. Ngay khi nâng nhiệt độ đến nhiệt độ nhuộm
C. Khi thuốc nhuộm ở dạng keo
D. Ngay sau khi chùm tơ nhân tạo được hình thành

36. Chuội tơ tằm là
A. Loại bỏ lớp keo xerixin trên tơ
B. Loại bỏ lớp fibroin trong tơ
C. Loại bỏ lớp keratin trên tơ
D. Tẩy trắng lớp xerixin trên tơ

37. Những mặt hàng không nên đốt lông trong tiền xử lý như:
A. Nhung, khăn lông, vải cào nỉ
B. Polyester, cotton
C. Len, lanh, gai
D. Oxford, chéo, jean

38. Khi gia công vải có cài (pha) thành phần polyurethane đàn hồi, cần lưu ý:
A. Không được dùng chất khử để tẩy trắng
B. Khi nhuộm chế phẩm, phải nhuộm cả thành phần polyurethane đàn hồi
C. Tránh dùng chất oxy hóa để tẩy trắng, tránh dính bẩn dầu mỡ
D. Cần dùng chất oxy hóa để tẩy trắng mới bảo đảm sạch vết dính dầu mỡ

39. Carbon hoá là công nghệ hoàn tất nhằm
A. Tạo độ phục hồi nhàu cho len
B. Tạo sự đều màu cho polyamide
C. Làm giảm trọng vải polyester
D. Loại bỏ tạp cellulose trong len
40. Nấu nhằm phá huỷ các tạp chất trên xơ, và
A. Tạo liên kết ngang tăng tính đàn hồi cho vải
B. Chống xù lông vải
C. Tăng độ bóng cho vải
D. Phục hồi và tăng thêm tính thấm ngấm cho vải
41. Máy làm bóng vải có hai dạng
A. Dạng trục và dạng guồng
B. Dạng guồng và dạng cuộn
C. Dạng xích và dạng trục
D. Dạng xích và dạng cuộn
42. Máy jet thuộc loại máy
A. Dung dịch động, vật liệu động
B. Dung dịch tĩnh, vật liệu động
C. Dung dịch động, vật liệu tĩnh
D. Dung dịch tĩnh, vật liệu tĩnh
43. Mài mặt vải là công nghệ áp dụng nguyên lý
A. Dùng trục nén áp lực cao
B. Dùng trục nóng trượt trên bề mặt vải
C. Chà mặt vải bằng giấy nhám
D. Dùng lưỡi xén động trên mặt vải
44. Ngấm ép là phương pháp phổ biến trong cấp hoá chất lên vải. Ta có thể thấy ứng dụng phương pháp này trong công nghệ
A. Nhuộm cuộn ủ lạnh
B. Nhuộm jigger
C. Nhuộm winch
D. Nhuộm jet
45. Kỹ thuật nhuộm trong đó vải được cuộn vào trục rỗng có đục lỗ rồi dung dịch nhuộm bơm qua vải, có tên là nhuộm
A. Overflow
B. Beam
C. Cuộn ủ lạnh (CPB)
D. Jigger
46. Giặt là quá trình quan trọng trong in nhuộm. Những quá trình sau bắt buộc phải có giặt đi kèm:
A. Nấu, in pigment, nhuộm hoạt tính
B. Nhuộm hoàn nguyên, cán vân, chỉnh sợi ngang
C. Làm bóng, hồ hoàn tất, sanfor
D. Nấu, tẩy, làm bóng
47. Trong nhuộm jigger dễ gặp các dạng lỗi
A. Khác ánh đầu và cuối cuộn
B. Loang màu bất kỳ
C. Đậm màu trên gút sợi
D. Tất cả các dạng lỗi trên
48. Trong nhuộm gián đoạn cần nâng nhiệt và hạ nhiệt
A. Nâng nhiệt và hạ nhiệt đều quan trọng, phải kiểm soát tốt
B. Nâng nhiệt rất quan trọng, hạ nhiệt không quan trọng
C. Hạ nhiệt rất quan trọng, nâng nhiệt không quan trọng
D. Cả hai đều không quan trọng
49. Quá trình nhiệt rất phổ biến trong ngành in nhuộm. Có thể kể đến các quá trình sau:
A. Chưng hơi, xẻ ống vải dệt kim, cán nóng
B. Nấu, tẩy, chưng hơi, sấy,...
C. Nấu, sấy, giặt, cào lông,...
D. Sấy, chưng hơi, mài, nấu,...
50. Khi giũ hồ sợi dọc có dùng chất hồ PVA, cần lưu ý tránh giũ trong môi trường:
A. A xít vì nó gây keo tụ chất hồ
B. Chất oxy hóa vì nó gây vàng vải
C. Chất khử vì nó gây cứng vải
D. Kiềm vì nó gây keo tụ chất hồ
51. Thuốc nhuộm mà khi nhuộm thể hiện tính tự di, khi nhuộm xong thể hiện tính bất di, đó la thuốc nhuộm
A. Axit
B. Cation
C. Naphtol
D. Hoạt tính
52. Công nghệ phá huỷ cấu trúc chất màu trong tạp chất nằm trên xơ bằng hoá chất là công nghệ
A. Tẩy trắng
B. Giặt khử
C. Giặt xà phòng sôi
D. Giảm trọng

53. Quy trình nhuộm thermosol
A. Có thể áp dụng nhuộm hoạt tính cho cotton
B. Không áp dụng nhuộm vải PES 100% cho may mặc
C. Chuyên áp dụng nhuộm vải PES 100% cho may mặc
D. Không áp dụng nhuộm hoạt tính cho cotton

54. Thuốc nhuộm có chất màu được tổng hợp trực tiếp trên vật liệu dệt mà ngày nay còn được phép áp dụng là
A. Hoạt tính
B. Trực tiếp
C. Oxy hoá
D. Azo không tan

55. Làm bóng ở nhiệt độ cao cho hiệu quả chính là
A. Độ bền tăng
B. Độ thấm ngấm tốt
C. Độ bóng cao
D. Độ trương nở mạnh

56. Tiền xử lý là giai đoạn chuẩn bị vật liệu cho nhuộm, trong đó có công đoạn nấu.
A. Nấu là giai đoạn làm sạch hóa học vải
B. Nấu là bước công nghệ tạo sự đồng đều các polymer
C. Nấu là bắt buộc đối với tất cả các loại vật liệu
D. Nấu là loại bỏ tạp chất có màu trên xơ

57. Xét theo tính tan, thuốc nhuộm được chia làm 2 loại: tan và không tan. Thuốc nhuộm tan gồm những thuốc nhuộm sau:
A. Hoạt tính, hoàn nguyên, axit,...
B. Sulphur, trực tiếp, cation,...
C. Phân tán, naphtol, phức kim loại,...
D. Hoạt tính, trực tiếp, phân tán,...

58. Thuốc nhuộm mà trong phân tử chứa nhiều nguyên tử lưu huỳnh, không tan trong nước, khi nhuộm cần đến quá trình oxy hóa khử, thuộc về thuốc nhuộm
A. Sulphur
B. Hoàn nguyên
C. Cation
D. Oxy hoá

59. Trong công nghệ nhuộm hoàn tất, dung tỷ rất quan trọng. Khi dung tỷ tăng cao thì
A. Giảm lượng nước sử dụng
B. Tốn năng lượng và tài nguyên nhuộm
C. Giảm nhu cầu năng lượng
D. Tăng hiệu suất sử dụng hóa chất

60. Thuốc nhuộm mà chất màu tạo liên kết hoá học với xơ là thuốc nhuộm
A. Cầm màu
B. Hoạt tính
C. Hoàn nguyên
D. Phức kim loại

61. Trong máy ủi, ép vải, khi muốn tạo hiệu quả ủi thì
A. Tốc độ trục thép nóng phải bằng trục đệm
B. Tốc độ trục thép nóng phải cao hơn trục đệm
C. Tốc độ trục thép nóng phải thấp hơn trục đệm
D. Tốc độ các trục không liên quan

62. Điều chỉnh cấu trúc vải được thực hiện trên máy hồ văng và giàn chỉnh sợi ngang. Nó có tác dụng
A. Lấy đúng khổ vải và đúng chi số sợi
B. Chỉnh mật độ vải và điều chỉnh chi số sợi
C. Chỉnh sợi ngang thẳng góc sợi dọc và lấy đúng khổ
D. Chỉnh mật độ vải và kiểu dệt

63. Công nghệ xén đầu xơ được áp dụng cho mặt hàng
A. Vải nhung, vải mài,...
B. Vải nhung, vải nỉ,...
C. Vải nhung, vải tráng phủ,...
D. Vải nỉ, vải ép nhăn,...

64. Có những thuốc nhuộm mà khi nhuộm phải hoà tan trong môi trường kiềm khử và khi chất màu ở trên xơ phải oxy hóa về dạng không tan ban đầu. Đó là những thuốc nhuộm
A. Lưu huỳnh, hoạt tính
B. Cation, oxy hoá
C. Hoàn nguyên, sulphur
D. Hoàn nguyên, hoạt tính

65. Thuốc nhuộm hoà tan trong nước, nhuộm thẳng cho xơ cellulose không cần qua giai đoạn gia công trung gian thuộc lớp thuốc nhuộm:
A. Sulfur
B. Trực tiếp
C. Hoạt tính
D. Hoàn nguyên

66. Ortho cortex và para cortex là thành phần chính trong xơ

A. Len
B. Đay
C. Polyamit
D. Acrylic

67. Theo tính tan của chất màu nằm trên xơ, thuốc nhuộm chia thành tự di và bất di. Thuốc tự di có hạt chất màu nằm trên vải không tan hoặc tạo liên kết hoá học bền với xơ

A. Thuốc bất di là hoàn nguyên, sulphur, hoạt tính, phức kim loại
B. Thuốc tự di là cation, trực tiếp, phức kim loại, hoạt tính, axit
C. Thuốc tự di là axit, cation, trực tiếp, phức kim loại, phân tán
D. Thuốc bất di là phân tán, azo không tan, cầm màu

68. Trong quá trình phòng co trên máy sanfor,

A. Cả hai chiều đều không co
B. Bề ngang vải co nhiều hơn bề dọc
C. Bề dọc vải co nhiều hơn bề ngang
D. Cả hai chiều co bằng nhau

69. In thăng hoa có thể áp dụng cho thuốc nhuộm

A. Phân tán
B. Trực tiếp
C. Cation
D. Anion

70. Làm bóng là công nghệ tiền xử lí áp dụng cho vải sợi cotton. Làm bóng không có quy trình

A. Nồng độ xút trung bình, nhiệt độ cao
B. Nồng độ xút trung bình, nhiệt độ trung bình
C. Nồng độ xút thấp, áp suất cao
D. Nồng độ xút cao, nhiệt độ thấp

71. Tăng trắng quang học có thể áp dụng trên máy

A. Máy cán bóng và máy nhuộm
B. Máy hồ hoàn tất và máy nhuộm
C. Máy cào lông và máy hồ
D. Máy hồ mềm và máy sanfor

72. In lưới phẳng có thể áp dụng cho

A. Vải mỏng, vân hoa sọc dọc
B. Vải dày, vân hoa sọc dọc
C. Vải dày, bo tròn trắng trên nền màu
D. Vải mỏng, nhạy cảm và vân hoa nét mảnh

73. Hiệu quả của cào lông

A. Tăng bề dày, độ xốp vải
B. Tăng độ cách nhiệt tăng độ bền cho vải
C. Làm vải thô nhám hơn
D. Tăng độ bền, độ dày cho vải

74. Chất trợ in hoa có trong hồ in, có thể là

A. Chất làm mềm, chất ngấm, chất chống bọt
B. Chất làm mềm, chất ngấm, chất giảm trọng
C. Chất ngấm, chất chống bọt, chất chống gãy mặt
D. Chất chống tĩnh điện, chất hồ mềm, chất dán bàn in

75. Kiểm tra phân loại vải mộc trước khi chế biến là bước công nghệ nhằm: Phân chia vải đúng loại, lấy vải đúng kích thước, đúng cấu trúc, may nối các tấm vải và...

A. Loại bỏ mẩu kim loại trên máy
B. Xén đầu xơ
C. Tẩy vết bẩn cục bộ trên mặt vải
D. Đánh dấu biên vải

Hết Đề số 1

CN Bộ Môn

TP Hồ chí Minh, ngày 08/12/12

GV soạn đề

Đề số 2

Thời gian 60 phút. Không tham khảo tài liệu.

Phần Lựa chọn (mỗi câu .134 điểm)

1. Kỹ thuật nhuộm trong đó vải được cuộn vào trục rỗng có đục lỗ rồi dung dịch nhuộm bơm qua vải, có tên là nhuộm
   A. Beam
   B. Cuộn ủ lạnh (CPB)
   C. Jigger
   D. Overflow
2. Thuốc nhuộm áp dụng in hoa phổ biến ở Việt Nam là
   A. Phân tán, hoạt tính, oxy hoá
   B. Pigment, phân tán, hoạt tính
   C. Pigment, phân tán, cầm màu
   D. Hoàn nguyên không tan, azo không tan
3. Công nghệ in tạo hoa văn màu trên nền màu đã nhuộm gọi là
   A. In dự phòng
   B. In chống gắn
   C. In phá màu
   D. In phá màu và phá trắng
4. Trong xưởng nhuộm, chất khử dùng để:
   A. Hoà tan thuốc nhuộm (hoàn nguyên, lưu hóa), hồ hoàn tất,...
   B. Giặt khử thuốc nhuộm phân tán, khử bỏ dầu mỡ trên vải,...
   C. Phá hủy chất màu, tẩy trắng, ...
   D. Bảo vệ vải khỏi bị oxy hoá, làm bóng, ...
5. Mài mặt vải là công nghệ áp dụng nguyên lý
   A. Chà mặt vải bằng giấy nhám
   B. Dùng lưỡi xén động trên mặt vải
   C. Dùng trục nén áp lực cao
   D. Dùng trục nóng trượt trên bề mặt vải
6. Trong nhuộm gián đoạn cần nâng nhiệt và hạ nhiệt
   A. Nâng nhiệt rất quan trọng, hạ nhiệt không quan trọng
   B. Hạ nhiệt rất quan trọng, nâng nhiệt không quan trọng
   C. Nâng nhiệt và hạ nhiệt đều quan trọng, phải kiểm soát tốt
   D. Cả hai đều không quan trọng
7. Quy trình nhuộm thermosol
   A. Không áp dụng nhuộm vải PES 100% cho may mặc
   B. Chuyên áp dụng nhuộm vải PES 100% cho may mặc
   C. Không áp dụng nhuộm hoạt tính cho cotton
   D. Có thể áp dụng nhuộm hoạt tính cho cotton
8. Lỗi tailing là hiện tượng lệch màu đầu tấm cuối tấm theo hướng biến đổi dần đều, thường xuất hiện trong nhuộm
   A. Nhúng
   B. Liên tục
   C. Winch
   D. Jet
9. Xét theo tính tan, thuốc nhuộm được chia làm 2 loại: tan và không tan. Thuốc nhuộm tan gồm những thuốc nhuộm sau:
   A. Phân tán, naphtol, phức kim loại,...
   B. Hoạt tính, trực tiếp, phân tán,...
   C. Hoạt tính, hoàn nguyên, axit,...
   D. Sulphur, trực tiếp, cation,...
10. Có các nguyên tắc tạo hình trên vải như
   A. In phá màu, in lưới quay, in trục
   B. In dự phòng, in lưới quay, in trục
   C. In lưới phẳng, in lưới quay, in trục
   D. In lưới phẳng, in trực tiếp, in trục
11. Có những thuốc nhuộm mà khi nhuộm phải hoà tan trong môi trường kiềm khử và khi chất màu ở trên xơ phải oxy hóa về dạng không tan ban đầu. Đó là những thuốc nhuộm
   A. Lưu huỳnh, hoạt tính
   B. Cation, oxy hoá
   C. Hoàn nguyên, sulphur
   D. Hoàn nguyên, hoạt tính

12. Giũ hồ là một công đoạn tiền xử lý, nhằm loại bỏ ra khỏi vải những chất
A. Hồ mềm và chống tĩnh điện
B. Hồ tinh bột và chất chống nhàu
C. Chất trợ dệt và sáp bôi trơn
D. Hồ sợi dọc và chất trợ dệt

13. Trong nhuộm jigger dễ gặp các dạng lỗi
A. Đậm màu trên gút sợi
B. Khác ánh đầu và cuối cuộn
C. Loang màu bất kỳ
D. Tất cả các dạng lỗi trên

14. Quá trình in hoa gồm 4 bước công nghệ nối tiếp sau
A. Đưa hồ in lên mặt vải - gắn màu - sấy - hồ hoàn tất
B. Đưa hồ in lên mặt vải - sấy - gắn màu - giặt
C. Đưa hồ in lên mặt vải - sấy - gắn màu - giặt sấy
D. Đưa hồ in lên mặt vải - gắn màu - giặt - sấy

15. Vải thử kèm để thử độ bền màu là loại vải đa thành phần. Vải thử kèm Mulifiber DW có các loại xơ sau:
A. 1) Triacetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Viscose
B. 1) Triacetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Wool
C. 1) Acetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Wool
D. 1) Acetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Viscose

16. Trong công nghệ nhuộm hoàn tất, dung tỷ rất quan trọng. Khi dung tỷ tăng cao thì
A. Giảm nhu cầu năng lượng
B. Tăng hiệu suất sử dụng hóa chất
C. Giảm lượng nước sử dụng
D. Tốn năng lượng và tài nguyên nhuộm

17. Máy nhuộm beam thuộc loại máy
A. Vật liệu tĩnh, dung dịch tĩnh
B. Vật liệu tĩnh, dung dịch động
C. Vật liệu động, dung dịch động
D. Vật liệu động, dung dịch tĩnh

18. Thuốc nhuộm mà trong phân tử chứa nhiều nguyên tử lưu huỳnh, không tan trong nước, khi nhuộm cần đến quá trình oxy hóa khử, thuộc về thuốc nhuộm
A. Hoàn nguyên
B. Cation
C. Oxy hoá
D. Sulphur

19. Máy jet thuộc loại máy
A. Dung dịch động, vật liệu động
B. Dung dịch tĩnh, vật liệu động
C. Dung dịch động, vật liệu tĩnh
D. Dung dịch tĩnh, vật liệu tĩnh

20. Thuốc nhuộm mà khi nhuộm thể hiện tính tự di, khi nhuộm xong thể hiện tính bất di, đó la thuốc nhuộm
A. Hoạt tính
B. Axit
C. Cation
D. Naphtol

21. Điều chỉnh cấu trúc vải được thực hiện trên máy hồ văng và giàn chỉnh sợi ngang. Nó có tác dụng
A. Lấy đúng khổ vải và đúng chi số sợi
B. Chỉnh mật độ vải và điều chỉnh chi số sợi
C. Chỉnh sợi ngang thẳng góc sợi dọc và lấy đúng khổ
D. Chỉnh mật độ vải và kiểu dệt

22. Theo tính tan của chất màu nằm trên xơ, thuốc nhuộm chia thành tự di và bất di. Thuốc tự di có hạt chất màu nằm trên vải không tan hoặc tạo liên kết hoá học bền với xơ
A. Thuốc tự di là axit, cation, trực tiếp, phức kim loại, phân tán
B. Thuốc bất di là phân tán, azo không tan, cầm màu
C. Thuốc bất di là hoàn nguyên, sulphur, hoạt tính, phức kim loại
D. Thuốc tự di là cation, trực tiếp, phức kim loại, hoạt tính, axit

23. Carbon hoá là công nghệ hoàn tất nhằm
A. Tạo sự đều màu cho polyamide
B. Làm giảm trọng vải polyester
C. Loại bỏ tạp cellulose trong len
D. Tạo độ phục hồi nhàu cho len

24. Hoàn tất cơ học bao gồm:
A. Giảm trọng (PES), cán ủi, xén đầu xơ,...
B. Mài mặt vải, chuội keo, ép nhăn,...
C. Sanfor, cán ủi, xén đầu xơ,...
D. Sanfor, cán axit (len), cào lông,...

25. Polyamide có thể được nhuộm bằng thuốc nhuộm
A. Phức kim loại, trực tiếp, naphtol
B. Axit, sulphur, hoạt tính
C. Phân tán, axit, phức kim loại
D. Phân tán, hoàn nguyên, hoạt tinh

26. Quy trình nhuộm phải có giai đoạn oxy hoá chất màu về dạng không tan được áp dụng cho lớp thuốc nhuộm
A. Hoàn nguyên và cầm màu
B. Sulphur và hoạt tính
C. Hoàn nguyên và sulphur
D. Tất cả đều sai

27. Mục tiêu chính của công nghệ giảm trọng áp dụng cho vải polyester là
A. Tăng độ hút ẩm ngang với cotton
B. Mặt vải trở nên bóng láng
C. Tạo độ mềm mại cho vải polyester
D. Làm nhẹ bớt vải polyester

28. Thuốc nhuộm mà chất màu tạo liên kết hoá học với xơ là thuốc nhuộm
A. Phức kim loại
B. Cầm màu
C. Hoạt tính
D. Hoàn nguyên

29. Khi giũ hồ sợi dọc có dùng chất hồ PVA, cần lưu ý tránh giũ trong môi trường:
A. Chất khử vì nó gây cứng vải
B. Kiềm vì nó gây keo tụ chất hồ
C. A xít vì nó gây keo tụ chất hồ
D. Chất oxy hóa vì nó gây vàng vải

30. Chất trợ in hoa có trong hồ in, có thể là
A. Chất chống tĩnh điện, chất hồ mềm, chất dán bàn in
B. Chất làm mềm, chất ngấm, chất chống bọt
C. Chất làm mềm, chất ngấm, chất giảm trọng
D. Chất ngấm, chất chống bọt, chất chống gãy mặt

31. Quá trình nhiệt rất phổ biến trong ngành in nhuộm. Có thể kể đến các quá trình sau:
A. Sấy, chưng hơi, mài, nấu,...
B. Chưng hơi, xẻ ống vải dệt kim, cán nóng
C. Nấu, tẩy, chưng hơi, sấy,...
D. Nấu, sấy, giặt, cào lông,...

32. Khi nhúng xơ cellulose vào nước sẽ xuất hiện lớp điện thế màng trên bề mặt xơ và dung dịch.
A. Lớp điện thế này đảo chiều khi thêm muối
B. Lớp này tích điện dương về phía xơ
C. Lớp này tích điện âm về phía xơ
D. Các ý trên đều đúng

33. Ngấm ép là phương pháp phổ biến trong cấp hoá chất lên vải. Ta có thể thấy ứng dụng phương pháp này trong công nghệ
A. Nhuộm jet
B. Nhuộm cuộn ủ lạnh
C. Nhuộm jigger
D. Nhuộm winch

34. Trong máy ủi, ép vải, khi muốn tạo hiệu quả ủi thì
A. Tốc độ trục thép nóng phải cao hơn trục đệm
B. Tốc độ trục thép nóng phải thấp hơn trục đệm
C. Tốc độ trục thép nóng phải bằng trục đệm
D. Tốc độ các trục không liên quan

35. Hấp hơi là dùng hơi nước bão hoà cấp nhiệt trực tiếp lên mặt vải. Những công nghệ có dùng hấp hơi như:
A. Sanfor và chỉnh sợi ngang
B. Nấu, tẩy liên tục
C. Nhuộm phân tán cho polyester
D. Nhuộm liên tục pigment

36. Thuốc nhuộm có chất màu được tổng hợp trực tiếp trên vật liệu dệt mà ngày nay còn được phép áp dụng là
A. Azo không tan
B. Hoạt tính
C. Trực tiếp
D. Oxy hoá

37. Tiền xử lý bao gồm những công đoạn chuẩn bị cho in-nhuộm. Có thể là những công đoạn sau:
A. Đốt lông, giũ hồ, nấu, tẩy, chỉnh cấu trúc
B. Nhiệt định hình, sanfor, phun ẩm
C. Nấu, tẩy, giặt khử
D. Đốt lông, giũ hồ, cán vân

38. Sấy là quá trình trung gian phục vụ cho bảo quản hoặc tạo thông số ổn định trong sản xuất. Có nhiều phương pháp sấy được áp dụng nhưng trong in nhuộm không áp dụng phương pháp
A. Cao tần
B. Hoá chất
C. Tiếp xúc
D. Gió nóng

39. Thuốc nhuộm hoà tan trong nước, nhuộm thẳng cho xơ cellulose không cần qua giai đoạn gia công trung gian thuộc lớp thuốc nhuộm:
A. Hoàn nguyên
B. Sulfur
C. Trực tiếp
D. Hoạt tính

40. Tăng trắng quang học có thể áp dụng trên máy
A. Máy cán bóng và máy nhuộm
B. Máy hồ hoàn tất và máy nhuộm
C. Máy cào lông và máy hồ
D. Máy hồ mềm và máy sanfor

41. Xơ cellulose biến tính (axetat) có thể được nhuộm bằng thuốc nhuộm
A. Axit
B. Hoạt tính
C. Trực tiếp
D. Phân tán

42. Máy nhuộm xử lý vải ở dạng mở khổ không thể là máy
A. Jet
B. Jigger
C. Winch
D. Beam

43. Hiệu quả của cào lông
A. Tăng bề dày, độ xốp vải
B. Tăng độ cách nhiệt tăng độ bền cho vải
C. Làm vải thô nhám hơn
D. Tăng độ bền, độ dày cho vải

44. Giai đoạn công nghệ nhằm: (i) hoà tan tạp chất tan; (ii) phá huỷ chất đơn giản; (iii) xà phòng hoá các chất dầu thực vật và (iv) nhũ hoá dầu khoáng; là công đoạn:
A. Giặt
B. Làm bóng
C. Nấu
D. Tẩy

45. Công nghệ xén đầu xơ được áp dụng cho mặt hàng
A. Vải nhung, vải tráng phủ,...
B. Vải nỉ, vải ép nhăn,...
C. Vải nhung, vải mài,...
D. Vải nhung, vải nỉ,...

46. Trong quá trình phòng co trên máy sanfor,
A. Cả hai chiều co bằng nhau
B. Cả hai chiều đều không co
C. Bề ngang vải co nhiều hơn bề dọc
D. Bề dọc vải co nhiều hơn bề ngang

47. Những công nghệ tiền xử lý: (1) làm bóng, (2) giảm trọng, (3) chuội keo, (4) carbon hóa được lần lượt áp dụng tương ứng cho vải theo thừ tự sau:
A. (1) vải polyester, (2) vải tơ tằm, (3) vải cotton, (4) vải len.
B. (1) vải tơ tằm, (2) vải cotton, (3) vải polyester, (4) vải len.
C. (1) vải cotton, (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải len.
D. (1) vải len. (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải cotton,

48. Hãy tìm mệnh đề đúng
A. Hồi hoa là số màu trong mẫu hoa
B. Hồi in là sự phối màu trong bộ khuôn in để tạo ra mẫu hoa hài hoà
C. Hồi in là khoảng thời gian thực hiện in một mẫu hoa
D. Hồi in là số khuôn in trong mẫu hoa

49. Công nghệ in chồng màu mà trong hồ in này cản trở sự gắn màu trong hồ in kia thuộc về công nghệ in
A. Phá gắn
B. Bóc màu
C. Dự phòng
D. Phá màu

50. Máy làm bóng vải có hai dạng
A. Dạng guồng và dạng cuộn
B. Dạng xích và dạng trục
C. Dạng xích và dạng cuộn
D. Dạng trục và dạng guồng

51. Nhuộm khối (mass coloration) là thực hiện tạo màu cho xơ nhân tạo
A. Trong khi đang tạo xơ
B. Sau khi tơ được định hình
C. Trước khi xơ được tạo thành
D. Tất cả đều không đúng

52. Nhuộm keo (gel dyeing) là thực hiện tạo màu
A. Ngay khi nâng nhiệt độ đến nhiệt độ nhuộm
B. Khi thuốc nhuộm ở dạng keo
C. Ngay sau khi chùm tơ nhân tạo được hình thành
D. Ngay khi xơ bị nung chảy trên nhiệt độ chuyển thuỷ tinh

53. Định hình ướt len là làm đứt các mối liên kết cũ, tạo liên kết mới ở vị trí cân bằng ứng suất. Các mối liên kết đó gồm liên kết muối, liên kết systine và liên kết
A. Hydro
B. Cericine
C. Fibroin
D. Chelate

54. Kiểm tra phân loại vải mộc trước khi chế biến là bước công nghệ nhằm: Phân chia vải đúng loại, lấy vải đúng kích thước, đúng cấu trúc, may nối các tấm vải và...
A. Loại bỏ mẩu kim loại trên máy
B. Xén đầu xơ
C. Tẩy vết bẩn cục bộ trên mặt vải
D. Đánh dấu biên vải

55. Cán a xít là công nghệ áp dụng cho vải dệt từ
A. Xơ polyamit
B. Xơ cotton
C. Xơ len
D. Xơ lanh

56. Tiền xử lý là giai đoạn chuẩn bị vật liệu cho nhuộm, trong đó có công đoạn nấu.
A. Nấu là bắt buộc đối với tất cả các loại vật liệu
B. Nấu là loại bỏ tạp chất có màu trên xơ
C. Nấu là giai đoạn làm sạch hóa học vải
D. Nấu là bước công nghệ tạo sự đồng đều các polymer

57. Khi nấu tẩy và nhiệt định hình rất dễ gây vàng vải, cần đặc biệt lưu ý cho vải
A. Lanh
B. Polyamide
C. Polyester
D. Cotton

58. Đốt lông là một công đoạn quan trọng trong in-nhuộm, nó nhằm đốt sạch những
A. Đầu sợi trên biên vải
B. Xơ gây xù lông vải
C. Đầu xơ nhô trên mặt vải
D. Xơ trên vải

59. Chuội tơ tằm là
A. Tẩy trắng lớp xerixin trên tơ
B. Loại bỏ lớp keo xerixin trên tơ
C. Loại bỏ lớp fibroin trong tơ
D. Loại bỏ lớp keratin trên tơ

60. Chất oxy hóa dùng để
A. Bảo vệ thuốc nhuộm, giặt sau làm bóng,...
B. In hoa (công nghệ in đốt), hồ hoàn tất,...
C. Giũ hồ sợi dọc, nấu vải cotton,...
D. Tẩy trắng vải, làm tác nhân nhuộm hoàn nguyên và sulphur,...

61. Mục đích nhiệt định hình là nhằm
A. Bóng láng bề mặt
B. Đàn hồi
C. Tạo sự ổn định kích thước
D. Bằng phẳng bề mặt

62. Định hình ướt thường được áp dụng cho vải
A. Len và polyamide
B. Len và polyester
C. Polyamide và polyester
D. Polyanide và cotton

63. Cán mịn len là công nghệ hoàn tất áp dụng trên vải len nhằm
A. Làm cho vải dầy dặn, tạo lớp tuyết trên bề mặt
B. Làm cho vải sạch tạp chất cellulose
C. Làm cho vải nhẹ và mỏng mịn hơn
D. Tất cả các hiệu quả trên

64. Khi gia công vải có cài (pha) thành phần polyurethane đàn hồi, cần lưu ý:
A. Tránh dùng chất oxy hóa để tẩy trắng, tránh dính bẩn dầu mỡ
B. Cần dùng chất oxy hóa để tẩy trắng mới bảo đảm sạch vết dính dầu mỡ
C. Không được dùng chất khử để tẩy trắng
D. Khi nhuộm chế phẩm, phải nhuộm cả thành phần polyurethane đàn hồi

65. Công nghệ phá huỷ cấu trúc chất màu trong tạp chất nằm trên xơ bằng hoá chất là công nghệ
A. Giặt xà phòng sôi
B. Giảm trọng
C. Tẩy trắng
D. Giặt khử

66. Những xơ thuộc nhóm xơ nhiệt dẻo như:
A. Polyamit, cazein, acrylic, acetat
B. Cotton, polyester, acetat, lyocell
C. Polyamit, polyester, acrylic, acetat
D. Polyester, acrylic, len, acetat

67. Làm bóng ở nhiệt độ cao cho hiệu quả chính là
A. Độ thấm ngấm tốt
B. Độ bóng cao
C. Độ trương nở mạnh
D. Độ bền tăng

68. In lưới phẳng có thể áp dụng cho
A. Vải dày, vân hoa sọc dọc
B. Vải dày, bo tròn trắng trên nền màu
C. Vải mỏng, nhạy cảm và vân hoa nét mảnh
D. Vải mỏng, vân hoa sọc dọc

69. Làm bóng là công nghệ tiền xử lí áp dụng cho vải sợi cotton. Làm bóng không có quy trình
A. Nồng độ xút thấp, áp suất cao
B. Nồng độ xút cao, nhiệt độ thấp
C. Nồng độ xút trung bình, nhiệt độ cao
D. Nồng độ xút trung bình, nhiệt độ trung bình

70. Ortho cortex và para cortex là thành phần chính trong xơ
A. Polyamit
B. Acrylic
C. Len
D. Đay

71. Giặt là quá trình quan trọng trong in nhuộm. Những quá trình sau bắt buộc phải có giặt đi kèm:
A. Nấu, tẩy, làm bóng
B. Nấu, in pigment, nhuộm hoạt tính
C. Nhuộm hoàn nguyên, cán vân, chỉnh sợi ngang
D. Làm bóng, hồ hoàn tất, sanfor

72. Nấu nhằm phá huỷ các tạp chất trên xơ, và
A. Phục hồi và tăng thêm tính thấm ngấm cho vải
B. Tạo liên kết ngang tăng tính đàn hồi cho vải
C. Chống xù lông vải
D. Tăng độ bóng cho vải

73. Những mặt hàng không nên đốt lông trong tiền xử lý như:
A. Oxford, chéo, jean
B. Nhung, khăn lông, vải cào nỉ
C. Polyester, cotton
D. Len, lanh, gai

74. Hoàn tất không đặt mục tiêu
A. Cải thiện tính chất vải liên quan đến may mặc
B. Cải thiện tính chất vải liên quan đến sử dụng
C. Cải tiến quá trình may mặc
D. Cải thiện bề mặt vải

75. Trong nguyên lý cấu tạo máy nhuộm không có dạng máy
A. Vật liệu dệt động, dung dịch động
B. Vật liệu dệt tĩnh, dung dịch tĩnh
C. Vật liệu dệt tĩnh, dung dịch động
D. Vật liệu dệt động, dung dịch tĩnh

Hết Đề số 2

CN Bộ Môn

TP Hồ chí Minh, ngày 08/12/12
GV soạn đề

Đề số 3

Thời gian 60 phút. Không tham khảo tài liệu.

Phần Lựa chọn (mỗi câu .134 điểm)

1. Có các nguyên tắc tạo hình trên vải như
   A. In lưới phẳng, in lưới quay, in trục
   B. In lưới phẳng, in trực tiếp, in trục
   C. In phá màu, in lưới quay, in trục
   D. In dự phòng, in lưới quay, in trục
2. Chuội tơ tằm là
   A. Loại bỏ lớp keratin trên tơ
   B. Tẩy trắng lớp xerixin trên tơ
   C. Loại bỏ lớp keo xerixin trên tơ
   D. Loại bỏ lớp fibroin trong tơ
3. Máy nhuộm xử lý vải ở dạng mở khổ không thể là máy
   A. Beam
   B. Jet
   C. Jigger
   D. Winch
4. Lỗi tailing là hiện tượng lệch màu đầu tấm cuối tấm theo hướng biến đổi dần đều, thường xuất hiện trong nhuộm
   A. Nhúng
   B. Liên tục
   C. Winch
   D. Jet
5. Khi giũ hồ sợi dọc có dùng chất hồ PVA, cần lưu ý tránh giũ trong môi trường:
   A. A xít vì nó gây keo tụ chất hồ
   B. Chất oxy hóa vì nó gây vàng vải
   C. Chất khử vì nó gây cứng vải
   D. Kiềm vì nó gây keo tụ chất hồ
6. Đốt lông là một công đoạn quan trọng trong in-nhuộm, nó nhằm đốt sạch những
   A. Đầu xơ nhô trên mặt vải
   B. Xơ trên vải
   C. Đầu sợi trên biên vải
   D. Xơ gây xù lông vải
7. Công nghệ phá huỷ cấu trúc chất màu trong tạp chất nằm trên xơ bằng hoá chất là công nghệ
   A. Giặt xà phòng sôi
   B. Giảm trọng
   C. Tẩy trắng
   D. Giặt khử
8. In lưới phẳng có thể áp dụng cho
   A. Vải dày, vân hoa sọc dọc
   B. Vải dày, bo tròn trắng trên nền màu
   C. Vải mỏng, nhạy cảm và vân hoa nét mảnh
   D. Vải mỏng, vân hoa sọc dọc
9. Mục tiêu chính của công nghệ giảm trọng áp dụng cho vải polyester là
   A. Làm nhẹ bớt vải polyester
   B. Tăng độ hút ẩm ngang với cotton
   C. Mặt vải trở nên bóng láng
   D. Tạo độ mềm mại cho vải polyester
10. Công nghệ in tạo hoa văn màu trên nền màu đã nhuộm gọi là
   A. In phá màu
   B. In phá màu và phá trắng
   C. In dự phòng
   D. In chống gắn
11. In thăng hoa có thể áp dụng cho thuốc nhuộm
   A. Trực tiếp
   B. Cation
   C. Anion
   D. Phân tán
12. Tiền xử lý bao gồm những công đoạn chuẩn bị cho in-nhuộm. Có thể là những công đoạn sau:
   A. Nấu, tẩy, giặt khử
   B. Đốt lông, giũ hồ, cán vân
   C. Đốt lông, giũ hồ, nấu, tẩy, chỉnh cấu trúc
   D. Nhiệt định hình, sanfor, phun ẩm
13. Máy làm bóng vải có hai dạng
   A. Dạng trục và dạng guồng
   B. Dạng guồng và dạng cuộn
   C. Dạng xích và dạng trục
   D. Dạng xích và dạng cuộn
14. Quá trình in hoa gồm 4 bước công nghệ nối tiếp sau
   A. Đưa hồ in lên mặt vải - gắn màu - sấy - hồ hoàn tất
   B. Đưa hồ in lên mặt vải - sấy - gắn màu - giặt
   C. Đưa hồ in lên mặt vải - sấy - gắn màu - giặt sấy
   D. Đưa hồ in lên mặt vải - gắn màu - giặt - sấy

15. Giũ hồ là một công đoạn tiền xử lý, nhằm loại bỏ ra khỏi vải những chất
A. Hồ sợi dọc và chất trợ dệt
B. Hồ mềm và chống tĩnh điện
C. Hồ tinh bột và chất chống nhàu
D. Chất trợ dệt và sáp bôi trơn

16. Khi nấu tẩy và nhiệt định hình rất dễ gây vàng vải, cần đặc biệt lưu ý cho vải
A. Polyester
B. Cotton
C. Lanh
D. Polyamide

17. Thuốc nhuộm mà khi nhuộm thể hiện tính tự di, khi nhuộm xong thể hiện tính bất di, đó la thuốc nhuộm
A. Naphtol
B. Hoạt tính
C. Axit
D. Cation

18. Công nghệ xén đầu xơ được áp dụng cho mặt hàng
A. Vải nhung, vải tráng phủ,...
B. Vải nỉ, vải ép nhăn,...
C. Vải nhung, vải mài,...
D. Vải nhung, vải nỉ,...

19. Trong nguyên lý cấu tạo máy nhuộm không có dạng máy
A. Vật liệu dệt tĩnh, dung dịch tĩnh
B. Vật liệu dệt tĩnh, dung dịch động
C. Vật liệu dệt động, dung dịch tĩnh
D. Vật liệu dệt động, dung dịch động

20. Mục đích nhiệt định hình là nhằm
A. Bằng phẳng bề mặt
B. Bóng láng bề mặt
C. Đàn hồi
D. Tạo sự ổn định kích thước

21. Xơ cellulose biến tính (axetat) có thể được nhuộm bằng thuốc nhuộm
A. Phân tán
B. Axit
C. Hoạt tính
D. Trực tiếp

22. Sấy là quá trình trung gian phục vụ cho bảo quản hoặc tạo thông số ổn định trong sản xuất. Có nhiều phương pháp sấy được áp dụng nhưng trong in nhuộm không áp dụng phương pháp
A. Tiếp xúc
B. Gió nóng
C. Cao tần
D. Hoá chất

23. Định hình ướt len là làm đứt các mối liên kết cũ, tạo liên kết mới ở vị trí cân bằng ứng suất. Các mối liên kết đó gồm liên kết muối, liên kết systine và liên kết
A. Hydro
B. Cericine
C. Fibroin
D. Chelate

24. Điều chỉnh cấu trúc vải được thực hiện trên máy hồ văng và giàn chỉnh sợi ngang. Nó có tác dụng
A. Chỉnh mật độ vải và điều chỉnh chi số sợi
B. Chỉnh sợi ngang thẳng góc sợi dọc và lấy đúng khổ vải
C. Chỉnh mật độ vải và kiểu dệt
D. Lấy đúng khổ vải và đúng chi số sợi

25. Những công nghệ tiền xử lý: (1) làm bóng, (2) giảm trọng, (3) chuội keo, (4) carbon hóa được lần lượt áp dụng tương ứng cho vải theo thừ tự sau:
A. (1) vải len. (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải cotton,
B. (1) vải polyester, (2) vải tơ tằm, (3) vải cotton, (4) vải len.
C. (1) vải tơ tằm, (2) vải cotton, (3) vải polyester, (4) vải len.
D. (1) vải cotton, (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải len.

26. Thuốc nhuộm áp dụng in hoa phổ biến ở Việt Nam là
A. Pigment, phân tán, hoạt tính
B. Pigment, phân tán, cầm màu
C. Hoàn nguyên không tan, azo không tan
D. Phân tán, hoạt tính, oxy hoá

27. Trong nhuộm gián đoạn cần nâng nhiệt và hạ nhiệt
A. Hạ nhiệt rất quan trọng, nâng nhiệt không quan trọng
B. Nâng nhiệt và hạ nhiệt đều quan trọng, phải kiểm soát tốt
C. Nâng nhiệt rất quan trọng, hạ nhiệt không quan trọng
D. Cả hai đều không quan trọng

28. Ngấm ép là phương pháp phổ biến trong cấp hoá chất lên vải. Ta có thể thấy ứng dụng phương pháp này trong công nghệ
A. Nhuộm jigger
B. Nhuộm winch
C. Nhuộm jet
D. Nhuộm cuộn ủ lạnh

29. Hiệu quả của cào lông
A. Tăng độ bền, độ dày cho vải
B. Tăng bề dày, độ xốp vải
C. Tăng độ cách nhiệt tăng độ bền cho vải
D. Làm vải thô nhám hơn

30. Tăng trắng quang học có thể áp dụng trên máy
A. Máy cào lông và máy hồ
B. Máy hồ mềm và máy sanfor
C. Máy cán bóng và máy nhuộm
D. Máy hồ hoàn tất và máy nhuộm

31. Quy trình nhuộm thermosol
A. Chuyên áp dụng nhuộm vải PES 100% cho may mặc
B. Không áp dụng nhuộm hoạt tính cho cotton
C. Có thể áp dụng nhuộm hoạt tính cho cotton
D. Không áp dụng nhuộm vải PES 100% cho may mặc

32. Mài mặt vải là công nghệ áp dụng nguyên lý
A. Chà mặt vải bằng giấy nhám
B. Dùng lưỡi xén động trên mặt vải
C. Dùng trục nén áp lực cao
D. Dùng trục nóng trượt trên bề mặt vải

33. Định hình ướt thường được áp dụng cho vải
A. Len và polyamide
B. Len và polyester
C. Polyamide và polyester
D. Polyanide và cotton

34. Nấu nhằm phá huỷ các tạp chất trên xơ, và
A. Chống xù lông vải
B. Tăng độ bóng cho vải
C. Phục hồi và tăng thêm tính thấm ngấm cho vải
D. Tạo liên kết ngang tăng tính đàn hồi cho vải

35. Quy trình nhuộm phải có giai đoạn oxy hoá chất màu về dạng không tan được áp dụng cho lớp thuốc nhuộm
A. Hoàn nguyên và cầm màu
B. Sulphur và hoạt tính
C. Hoàn nguyên và sulphur
D. Tất cả đều sai

36. Quá trình nhiệt rất phổ biến trong ngành in nhuộm. Có thể kể đến các quá trình sau:
A. Chưng hơi, xẻ ống vải dệt kim, cán nóng
B. Nấu, tẩy, chưng hơi, sấy,...
C. Nấu, sấy, giặt, cào lông,...
D. Sấy, chưng hơi, mài, nấu,...

37. Thuốc nhuộm mà trong phân tử chứa nhiều nguyên tử lưu huỳnh, không tan trong nước, khi nhuộm cần đến quá trình oxy hóa khử, thuộc về thuốc nhuộm
A. Oxy hoá
B. Sulphur
C. Hoàn nguyên
D. Cation

38. Cán a xít là công nghệ áp dụng cho vải dệt từ
A. Xơ lanh
B. Xơ polyamit
C. Xơ cotton
D. Xơ len

39. Trong công nghệ nhuộm hoàn tất, dung tỷ rất quan trọng. Khi dung tỷ tăng cao thì
A. Giảm nhu cầu năng lượng
B. Tăng hiệu suất sử dụng hóa chất
C. Giảm lượng nước sử dụng
D. Tốn năng lượng và tài nguyên nhuộm

40. Máy nhuộm beam thuộc loại máy
A. Vật liệu tĩnh, dung dịch tĩnh
B. Vật liệu tĩnh, dung dịch động
C. Vật liệu động, dung dịch động
D. Vật liệu động, dung dịch tĩnh

41. Những mặt hàng không nên đốt lông trong tiền xử lý như:
A. Len, lanh, gai
B. Oxford, chéo, jean
C. Nhung, khăn lông, vải cào nỉ
D. Polyester, cotton

42. Hấp hơi là dùng hơi nước bão hoà cấp nhiệt trực tiếp lên mặt vải. Những công nghệ có dùng hấp hơi như:
A. Sanfor và chỉnh sợi ngang
B. Nấu, tẩy liên tục
C. Nhuộm phân tán cho polyester
D. Nhuộm liên tục pigment

43. Theo tính tan của chất màu nằm trên xơ, thuốc nhuộm chia thành tự di và bất di. Thuốc tự di có hạt chất màu nằm trên vải không tan hoặc tạo liên kết hoá học bền với xơ
A. Thuốc tự di là cation, trực tiếp, phức kim loại, hoạt tính, axit
B. Thuốc tự di là axit, cation, trực tiếp, phức kim loại, phân tán
C. Thuốc bất di là phân tán, azo không tan, cầm màu
D. Thuốc bất di là hoàn nguyên, sulphur, hoạt tính, phức kim loại

44. Giặt là quá trình quan trọng trong in nhuộm. Những quá trình sau bắt buộc phải có giặt đi kèm:
A. Nấu, in pigment, nhuộm hoạt tính
B. Nhuộm hoàn nguyên, cán vân, chỉnh sợi ngang
C. Làm bóng, hồ hoàn tất, sanfor
D. Nấu, tẩy, làm bóng

45. Máy jet thuộc loại máy
A. Dung dịch tĩnh, vật liệu tĩnh
B. Dung dịch động, vật liệu động
C. Dung dịch tĩnh, vật liệu động
D. Dung dịch động, vật liệu tĩnh

46. Cán mịn len là công nghệ hoàn tất áp dụng trên vải len nhằm
A. Làm cho vải dầy dặn, tạo lớp tuyết trên bề mặt
B. Làm cho vải sạch tạp chất cellulose
C. Làm cho vải nhẹ và mỏng mịn hơn
D. Tất cả các hiệu quả trên

47. Xét theo tính tan, thuốc nhuộm được chia làm 2 loại: tan và không tan. Thuốc nhuộm tan gồm những thuốc nhuộm sau:
A. Hoạt tính, trực tiếp, phân tán,...
B. Hoạt tính, hoàn nguyên, axit,...
C. Sulphur, trực tiếp, cation,...
D. Phân tán, naphtol, phức kim loại,...

48. Carbon hoá là công nghệ hoàn tất nhằm
A. Tạo sự đều màu cho polyamide
B. Làm giảm trọng vải polyester
C. Loại bỏ tạp cellulose trong len
D. Tạo độ phục hồi nhàu cho len

49. Hãy tìm mệnh đề đúng
A. Hồi in là số khuôn in trong mẫu hoa
B. Hồi hoa là số màu trong mẫu hoa
C. Hồi in là sự phối màu trong bộ khuôn in để tạo ra mẫu hoa hài hoà
D. Hồi in là khoảng thời gian thực hiện in một mẫu hoa

50. Thuốc nhuộm mà chất màu tạo liên kết hoá học với xơ là thuốc nhuộm
A. Hoạt tính
B. Hoàn nguyên
C. Phức kim loại
D. Cầm màu

51. Trong nhuộm jigger dễ gặp các dạng lỗi
A. Đậm màu trên gút sợi
B. Khác ánh đầu và cuối cuộn
C. Loang màu bất kỳ
D. Tất cả các dạng lỗi trên

52. Hoàn tất không đặt mục tiêu
A. Cải thiện bề mặt vải
B. Cải thiện tính chất vải liên quan đến may mặc
C. Cải thiện tính chất vải liên quan đến sử dụng
D. Cải tiến quá trình may mặc

53. Chất trợ in hoa có trong hồ in, có thể là
A. Chất làm mềm, chất ngấm, chất giảm trọng
B. Chất ngấm, chất chống bọt, chất chống gãy mặt
C. Chất chống tĩnh điện, chất hồ mềm, chất dán bàn in
D. Chất làm mềm, chất ngấm, chất chống bọt

54. Thuốc nhuộm có chất màu được tổng hợp trực tiếp trên vật liệu dệt mà ngày nay còn được phép áp dụng là
A. Hoạt tính
B. Trực tiếp
C. Oxy hoá
D. Azo không tan

55. Có những thuốc nhuộm mà khi nhuộm phải hoà tan trong môi trường kiềm khử và khi chất màu ở trên xơ phải oxy hóa về dạng không tan ban đầu. Đó là những thuốc nhuộm

A. Cation, oxy hoá
B. Hoàn nguyên, sulphur
C. Hoàn nguyên, hoạt tính
D. Lưu huỳnh, hoạt tính

56. Thuốc nhuộm hoà tan trong nước, nhuộm thẳng cho xơ cellulose không cần qua giai đoạn gia công trung gian thuộc lớp thuốc nhuộm:

A. Hoàn nguyên
B. Sulfur
C. Trực tiếp
D. Hoạt tính

57. Vải thử kèm để thử độ bền màu là loại vải đa thành phần. Vải thử kèm Mulifiber DW có các loại xơ sau:

A. 1) Acetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Wool
B. 1) Acetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Viscose
C. 1) Triacetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Viscose
D. 1) Triacetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Wool

58. Công nghệ in chồng màu mà trong hồ in này cản trở sự gắn màu trong hồ in kia thuộc về công nghệ in

A. Phá gắn
B. Bóc màu
C. Dự phòng
D. Phá màu

59. Giai đoạn công nghệ nhằm: (i) hoà tan tạp chất tan; (ii) phá huỷ chất đơn giản; (iii) xà phòng hoá các chất dầu thực vật và (iv) nhũ hoá dầu khoáng; là công đoạn:

A. Làm bóng
B. Nấu
C. Tẩy
D. Giặt

60. Trong máy ủi, ép vải, khi muốn tạo hiệu quả ủi thì

A. Tốc độ trục thép nóng phải bằng trục đệm
B. Tốc độ trục thép nóng phải cao hơn trục đệm
C. Tốc độ trục thép nóng phải thấp hơn trục đệm
D. Tốc độ các trục không liên quan

61. Kiểm tra phân loại vải mộc trước khi chế biến là bước công nghệ nhằm: Phân chia vải đúng loại, lấy vải đúng kích thước, đúng cấu trúc, may nối các tấm vải và...

A. Loại bỏ mẩu kim loại trên máy
B. Xén đầu xơ
C. Tẩy vết bẩn cục bộ trên mặt vải
D. Đánh dấu biên vải

62. Làm bóng ở nhiệt độ cao cho hiệu quả chính là

A. Độ thấm ngấm tốt
B. Độ bóng cao
C. Độ trương nở mạnh
D. Độ bền tăng

63. Nhuộm khối (mass coloration) là thực hiện tạo màu cho xơ nhân tạo

A. Trong khi đang tạo xơ
B. Sau khi tơ được định hình
C. Trước khi xơ được tạo thành
D. Tất cả đều không đúng

64. Nhuộm keo (gel dyeing) là thực hiện tạo màu

A. Ngay sau khi chùm tơ nhân tạo được hình thành
B. Ngay khi xơ bị nung chảy trên nhiệt độ chuyển thuỷ tinh
C. Ngay khi nâng nhiệt độ đến nhiệt độ nhuộm
D. Khi thuốc nhuộm ở dạng keo

65. Tiền xử lý là giai đoạn chuẩn bị vật liệu cho nhuộm, trong đó có công đoạn nấu.

A. Nấu là loại bỏ tạp chất có màu trên xơ
B. Nấu là giai đoạn làm sạch hóa học vải
C. Nấu là bước công nghệ tạo sự đồng đều các polymer
D. Nấu là bắt buộc đối với tất cả các loại vật liệu

66. Trong xưởng nhuộm, chất khử dùng để:

A. Bảo vệ vải khỏi bị oxy hoá, làm bóng, ...
B. Hoà tan thuốc nhuộm (hoàn nguyên, lưu hóa), hồ hoàn tất,...
C. Giặt khử thuốc nhuộm phân tán, khử bỏ dầu mỡ trên vải,...
D. Phá hủy chất màu, tẩy trắng, ...

67. Polyamide có thể được nhuộm bằng thuốc nhuộm
A. Phức kim loại, trực tiếp, naphtol
B. Axit, sulphur, hoạt tính
C. Phân tán, axit, phức kim loại
D. Phân tán, hoàn nguyên, hoạt tinh

68. Chất oxy hóa dùng để
A. In hoa (công nghệ in đốt), hồ hoàn tất,...
B. Giũ hồ sợi dọc, nấu vải cotton,...
C. Tẩy trắng vải, làm tác nhân nhuộm hoàn nguyên và sulphur,...
D. Bảo vệ thuốc nhuộm, giặt sau làm bóng,...

69. Khi gia công vải có cài (pha) thành phần polyurethane đàn hồi, cần lưu ý:
A. Cần dùng chất oxy hóa để tẩy trắng mới bảo đảm sạch vết dính dầu mỡ
B. Không được dùng chất khử để tẩy trắng
C. Khi nhuộm chế phẩm, phải nhuộm cả thành phần polyurethane đàn hồi
D. Tránh dùng chất oxy hóa để tẩy trắng, tránh dính bẩn dầu mỡ

70. Làm bóng là công nghệ tiền xử lí áp dụng cho vải sợi cotton. Làm bóng không có quy trình
A. Nồng độ xút trung bình, nhiệt độ cao
B. Nồng độ xút trung bình, nhiệt độ trung bình
C. Nồng độ xút thấp, áp suất cao
D. Nồng độ xút cao, nhiệt độ thấp

71. Những xơ thuộc nhóm xơ nhiệt dẻo như:
A. Cotton, polyester, acetat, lyocell
B. Polyamit, polyester, acrylic, acetat
C. Polyester, acrylic, len, acetat
D. Polyamit, cazein, acrylic, acetat

72. Ortho cortex và para cortex là thành phần chính trong xơ
A. Polyamit
B. Acrylic
C. Len
D. Đay

73. Kỹ thuật nhuộm trong đó vải được cuộn vào trục rỗng có đục lỗ rồi dung dịch nhuộm bơm qua vải, có tên là nhuộm
A. Beam
B. Cuộn ủ lạnh (CPB)
C. Jigger
D. Overflow

74. Trong quá trình phòng co trên máy sanfor,
A. Bề ngang vải co nhiều hơn bề dọc
B. Bề dọc vải co nhiều hơn bề ngang
C. Cả hai chiều co bằng nhau
D. Cả hai chiều đều không co

75. Hoàn tất cơ học bao gồm:
A. Sanfor, cán axit (len), cào lông,...
B. Giảm trọng (PES), cán ủi, xén đầu xơ,...
C. Mài mặt vải, chuội keo, ép nhăn,...
D. Sanfor, cán ủi, xén đầu xơ,...

Hết Đề số 3

CN Bộ Môn

TP Hồ chí Minh, ngày 08/12/12
GV soạn đề

Đề số 4

Thời gian 60 phút. Không tham khảo tài liệu.

Phần Lựa chọn (mỗi câu .134 điểm)

1. Khi nhúng xơ cellulose vào nước sẽ xuất hiện lớp điện thế màng trên bề mặt xơ và dung dịch.
   A. Lớp điện thế này đảo chiều khi thêm muối
   B. Lớp này tích điện dương về phía xơ
   C. Lớp này tích điện âm về phía xơ
   D. Các ý trên đều đúng
2. Có những thuốc nhuộm mà khi nhuộm phải hoà tan trong môi trường kiềm khử và khi chất màu ở trên xơ phải oxy hóa về dạng không tan ban đầu. Đó là những thuốc nhuộm
   A. Cation, oxy hoá
   B. Hoàn nguyên, sulphur
   C. Hoàn nguyên, hoạt tính
   D. Lưu huỳnh, hoạt tính
3. Những mặt hàng không nên đốt lông trong tiền xử lý như:
   A. Oxford, chéo, jean
   B. Nhung, khăn lông, vải cào nỉ
   C. Polyester, cotton
   D. Len, lanh, gai
4. Trong máy ủi, ép vải, khi muốn tạo hiệu quả ủi thì
   A. Tốc độ trục thép nóng phải thấp hơn trục đệm
   B. Tốc độ trục thép nóng phải bằng trục đệm
   C. Tốc độ trục thép nóng phải cao hơn trục đệm
   D. Tốc độ các trục không liên quan
5. Những công nghệ tiền xử lý: (1) làm bóng, (2) giảm trọng, (3) chuội keo, (4) carbon hóa được lần lượt áp dụng tương ứng cho vải theo thừ tự sau:
   A. (1) vải polyester, (2) vải tơ tằm, (3) vải cotton, (4) vải len.
   B. (1) vải tơ tằm, (2) vải cotton, (3) vải polyester, (4) vải len.
   C. (1) vải cotton, (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải len.
   D. (1) vải len. (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải cotton,
6. Vải thử kèm để thử độ bền màu là loại vải đa thành phần. Vải thử kèm Mulifiber DW có các loại xơ sau:
   A. 1) Acetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Wool
   B. 1) Acetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Viscose
   C. 1) Triacetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Viscose
   D. 1) Triacetate 2) Cotton 3) Nylon 4) Polyester 5) Acrylic 6) Wool
7. Polyamide có thể được nhuộm bằng thuốc nhuộm
   A. Axit, sulphur, hoạt tính
   B. Phân tán, axit, phức kim loại
   C. Phân tán, hoàn nguyên, hoạt tinh
   D. Phức kim loại, trực tiếp, naphtol
8. Chất oxy hóa dùng để
   A. In hoa (công nghệ in đốt), hồ hoàn tất,...
   B. Giũ hồ sợi dọc, nấu vải cotton,...
   C. Tẩy trắng vải, làm tác nhân nhuộm hoàn nguyên và sulphur,...
   D. Bảo vệ thuốc nhuộm, giặt sau làm bóng,...
9. Trong nhuộm gián đoạn cần nâng nhiệt và hạ nhiệt
   A. Nâng nhiệt và hạ nhiệt đều quan trọng, phải kiểm soát tốt
   B. Nâng nhiệt rất quan trọng, hạ nhiệt không quan trọng
   C. Hạ nhiệt rất quan trọng, nâng nhiệt không quan trọng
   D. Cả hai đều không quan trọng
10. Xơ cellulose biến tính (axetat) có thể được nhuộm bằng thuốc nhuộm
   A. Hoạt tính
   B. Trực tiếp
   C. Phân tán
   D. Axit

11. Carbon hoá là công nghệ hoàn tất nhằm
A. Làm giảm trọng vải polyester
B. Loại bỏ tạp cellulose trong len
C. Tạo độ phục hồi nhàu cho len
D. Tạo sự đều màu cho polyamide

12. Công nghệ in tạo hoa văn màu trên nền màu đã nhuộm gọi là
A. In chống gắn
B. In phá màu
C. In phá màu và phá trắng
D. In dự phòng

13. Làm bóng ở nhiệt độ cao cho hiệu quả chính là
A. Độ thấm ngấm tốt
B. Độ bóng cao
C. Độ trương nở mạnh
D. Độ bền tăng

14. Lỗi tailing là hiện tượng lệch màu đầu tấm cuối tấm theo hướng biến đổi dần đều, thường xuất hiện trong nhuộm
A. Liên tục
B. Winch
C. Jet
D. Nhúng

15. Làm bóng là công nghệ tiền xử lí áp dụng cho vải sợi cotton. Làm bóng không có quy trình
A. Nồng độ xút trung bình, nhiệt độ cao
B. Nồng độ xút trung bình, nhiệt độ trung bình
C. Nồng độ xút thấp, áp suất cao
D. Nồng độ xút cao, nhiệt độ thấp

16. Thuốc nhuộm áp dụng in hoa phổ biến ở Việt Nam là
A. Hoàn nguyên không tan, azo không tan
B. Phân tán, hoạt tính, oxy hoá
C. Pigment, phân tán, hoạt tính
D. Pigment, phân tán, cầm màu

17. Máy làm bóng vải có hai dạng
A. Dạng trục và dạng guồng
B. Dạng guồng và dạng cuộn
C. Dạng xích và dạng trục
D. Dạng xích và dạng cuộn

18. Trong quá trình phòng co trên máy sanfor,
A. Cả hai chiều co bằng nhau
B. Cả hai chiều đều không co
C. Bề ngang vải co nhiều hơn bề dọc
D. Bề dọc vải co nhiều hơn bề ngang

19. Nhuộm khối (mass coloration) là thực hiện tạo màu cho xơ nhân tạo
A. Trong khi đang tạo xơ
B. Sau khi tơ được định hình
C. Trước khi xơ được tạo thành
D. Tất cả đều không đúng

20. Tăng trắng quang học có thể áp dụng trên máy
A. Máy cào lông và máy hồ
B. Máy hồ mềm và máy sanfor
C. Máy cán bóng và máy nhuộm
D. Máy hồ hoàn tất và máy nhuộm

21. In thăng hoa có thể áp dụng cho thuốc nhuộm
A. Anion
B. Phân tán
C. Trực tiếp
D. Cation

22. Tiền xử lý là giai đoạn chuẩn bị vật liệu cho nhuộm, trong đó có công đoạn nấu.
A. Nấu là giai đoạn làm sạch hóa học vải
B. Nấu là bước công nghệ tạo sự đồng đều các polymer
C. Nấu là bắt buộc đối với tất cả các loại vật liệu
D. Nấu là loại bỏ tạp chất có màu trên xơ

23. Hiệu quả của cào lông
A. Tăng bề dày, độ xốp vải
B. Tăng độ cách nhiệt tăng độ bền cho vải
C. Làm vải thô nhám hơn
D. Tăng độ bền, độ dày cho vải

24. Công nghệ phá huỷ cấu trúc chất màu trong tạp chất nằm trên xơ bằng hoá chất là công nghệ
A. Giảm trọng
B. Tẩy trắng
C. Giặt khử
D. Giặt xà phòng sôi

25. Thuốc nhuộm mà chất màu tạo liên kết hoá học với xơ là thuốc nhuộm
A. Cầm màu
B. Hoạt tính
C. Hoàn nguyên
D. Phức kim loại

26. Trong xưởng nhuộm, chất khử dùng để:
A. Hoà tan thuốc nhuộm (hoàn nguyên, lưu hóa), hồ hoàn tất,...
B. Giặt khử thuốc nhuộm phân tán, khử bỏ dầu mỡ trên vải,...
C. Phá hủy chất màu, tẩy trắng, ...
D. Bảo vệ vải khỏi bị oxy hoá, làm bóng, ...

27. Khi gia công vải có cài (pha) thành phần polyurethane đàn hồi, cần lưu ý:
A. Cần dùng chất oxy hóa để tẩy trắng mới bảo đảm sạch vết dính dầu mỡ
B. Không được dùng chất khử để tẩy trắng
C. Khi nhuộm chế phẩm, phải nhuộm cả thành phần polyurethane đàn hồi
D. Tránh dùng chất oxy hóa để tẩy trắng, tránh dính bẩn dầu mỡ

28. Mục tiêu chính của công nghệ giảm trọng áp dụng cho vải polyester là
A. Tạo độ mềm mại cho vải polyester
B. Làm nhẹ bớt vải polyester
C. Tăng độ hút ẩm ngang với cotton
D. Mặt vải trở nên bóng láng

29. Kỹ thuật nhuộm trong đó vải được cuộn vào trục rỗng có đục lỗ rồi dung dịch nhuộm bơm qua vải, có tên là nhuộm
A. Overflow
B. Beam
C. Cuộn ủ lạnh (CPB)
D. Jigger

30. Giặt là quá trình quan trọng trong in nhuộm. Những quá trình sau bắt buộc phải có giặt đi kèm:
A. Làm bóng, hồ hoàn tất, sanfor
B. Nấu, tẩy, làm bóng
C. Nấu, in pigment, nhuộm hoạt tính
D. Nhuộm hoàn nguyên, cán vân, chỉnh sợi ngang

31. Chuội tơ tằm là
A. Loại bỏ lớp fibroin trong tơ
B. Loại bỏ lớp keratin trên tơ
C. Tẩy trắng lớp xerixin trên tơ
D. Loại bỏ lớp keo xerixin trên tơ

32. Hấp hơi là dùng hơi nước bão hoà cấp nhiệt trực tiếp lên mặt vải. Những công nghệ có dùng hấp hơi như:
A. Sanfor và chỉnh sợi ngang
B. Nấu, tẩy liên tục
C. Nhuộm phân tán cho polyester
D. Nhuộm liên tục pigment

33. Nhuộm keo (gel dyeing) là thực hiện tạo màu
A. Ngay khi xơ bị nung chảy trên nhiệt độ chuyển thuỷ tinh
B. Ngay khi nâng nhiệt độ đến nhiệt độ nhuộm
C. Khi thuốc nhuộm ở dạng keo
D. Ngay sau khi chùm tơ nhân tạo được hình thành

34. Những xơ thuộc nhóm xơ nhiệt dẻo như:
A. Polyamit, cazein, acrylic, acetat
B. Cotton, polyester, acetat, lyocell
C. Polyamit, polyester, acrylic, acetat
D. Polyester, acrylic, len, acetat

35. Định hình ướt len là làm đứt các mối liên kết cũ, tạo liên kết mới ở vị trí cân bằng ứng suất. Các mối liên kết đó gồm liên kết muối, liên kết systine và liên kết
A. Hydro
B. Cericine
C. Fibroin
D. Chelate

36. Chất trợ in hoa có trong hồ in, có thể là
A. Chất làm mềm, chất ngấm, chất giảm trọng
B. Chất ngấm, chất chống bọt, chất chống gãy mặt
C. Chất chống tĩnh điện, chất hồ mềm, chất dán bàn in
D. Chất làm mềm, chất ngấm, chất chống bọt

37. Ortho cortex và para cortex là thành phần chính trong xơ
A. Đay
B. Polyamit
C. Acrylic
D. Len

38. Điều chỉnh cấu trúc vải được thực hiện trên máy hồ văng và giàn chỉnh sợi ngang. Nó có tác dụng
A. Chỉnh sợi ngang thẳng góc sợi dọc và lấy đúng khổ vải
B. Chỉnh mật độ vải và kiểu dệt
C. Lấy đúng khổ vải và đúng chi số sợi
D. Chỉnh mật độ vải và điều chỉnh chi số sợi

39. Mài mặt vải là công nghệ áp dụng nguyên lý
A. Dùng trục nóng trượt trên bề mặt vải
B. Chà mặt vải bằng giấy nhám
C. Dùng lưỡi xén động trên mặt vải
D. Dùng trục nén áp lực cao

40. Nấu nhằm phá huỷ các tạp chất trên xơ, và
A. Tăng độ bóng cho vải
B. Phục hồi và tăng thêm tính thấm ngấm cho vải
C. Tạo liên kết ngang tăng tính đàn hồi cho vải
D. Chống xù lông vải

41. Đốt lông là một công đoạn quan trọng trong in-nhuộm, nó nhằm đốt sạch những
A. Đầu xơ nhô trên mặt vải
B. Xơ trên vải
C. Đầu sợi trên biên vải
D. Xơ gây xù lông vải

42. Công nghệ xén đầu xơ được áp dụng cho mặt hàng
A. Vải nhung, vải tráng phủ,...
B. Vải nỉ, vải ép nhăn,...
C. Vải nhung, vải mài,...
D. Vải nhung, vải nỉ,...

43. Máy nhuộm beam thuộc loại máy
A. Vật liệu tĩnh, dung dịch động
B. Vật liệu động, dung dịch động
C. Vật liệu động, dung dịch tĩnh
D. Vật liệu tĩnh, dung dịch tĩnh

44. Khi giũ hồ sợi dọc có dùng chất hồ PVA, cần lưu ý tránh giũ trong môi trường:
A. Chất khử vì nó gây cứng vải
B. Kiềm vì nó gây keo tụ chất hồ
C. A xít vì nó gây keo tụ chất hồ
D. Chất oxy hóa vì nó gây vàng vải

45. Trong công nghệ nhuộm hoàn tất, dung tỷ rất quan trọng. Khi dung tỷ tăng cao thì
A. Giảm nhu cầu năng lượng
B. Tăng hiệu suất sử dụng hóa chất
C. Giảm lượng nước sử dụng
D. Tốn năng lượng và tài nguyên nhuộm

46. Thuốc nhuộm mà trong phân tử chứa nhiều nguyên tử lưu huỳnh, không tan trong nước, khi nhuộm cần đến quá trình oxy hóa khử, thuộc về thuốc nhuộm
A. Oxy hoá
B. Sulphur
C. Hoàn nguyên
D. Cation

47. Thuốc nhuộm hoà tan trong nước, nhuộm thẳng cho xơ cellulose không cần qua giai đoạn gia công trung gian thuộc lớp thuốc nhuộm:
A. Sulfur
B. Trực tiếp
C. Hoạt tính
D. Hoàn nguyên

48. Tiền xử lý bao gồm những công đoạn chuẩn bị cho in-nhuộm. Có thể là những công đoạn sau:
A. Đốt lông, giũ hồ, nấu, tẩy, chỉnh cấu trúc
B. Nhiệt định hình, sanfor, phun ẩm
C. Nấu, tẩy, giặt khử
D. Đốt lông, giũ hồ, cán vân

49. Trong nguyên lý cấu tạo máy nhuộm không có dạng máy
A. Vật liệu dệt tĩnh, dung dịch tĩnh
B. Vật liệu dệt tĩnh, dung dịch động
C. Vật liệu dệt động, dung dịch tĩnh
D. Vật liệu dệt động, dung dịch động

50. Cán mịn len là công nghệ hoàn tất áp dụng trên vải len nhằm
A. Làm cho vải dầy dặn, tạo lớp tuyết trên bề mặt
B. Làm cho vải sạch tạp chất cellulose
C. Làm cho vải nhẹ và mỏng mịn hơn
D. Tất cả các hiệu quả trên

51. Định hình ướt thường được áp dụng cho vải
A. Len và polyamide
B. Len và polyester
C. Polyamide và polyester
D. Polyanide và cotton

52. Thuốc nhuộm có chất màu được tổng hợp trực tiếp trên vật liệu dệt mà ngày nay còn được phép áp dụng là
A. Trực tiếp
B. Oxy hoá
C. Azo không tan
D. Hoạt tính

53. Khi nấu tẩy và nhiệt định hình rất dễ gây vàng vải, cần đặc biệt lưu ý cho vải
A. Cotton
B. Lanh
C. Polyamide
D. Polyester

54. Cán a xít là công nghệ áp dụng cho vải dệt từ
A. Xơ polyamit
B. Xơ cotton
C. Xơ len
D. Xơ lanh

55. Giũ hồ là một công đoạn tiền xử lý, nhằm loại bỏ ra khỏi vải những chất
A. Hồ mềm và chống tĩnh điện
B. Hồ tinh bột và chất chống nhàu
C. Chất trợ dệt và sáp bôi trơn
D. Hồ sợi dọc và chất trợ dệt

56. Máy nhuộm xử lý vải ở dạng mở khổ không thể là máy
A. Jigger
B. Winch
C. Beam
D. Jet

57. Quá trình nhiệt rất phổ biến trong ngành in nhuộm. Có thể kể đến các quá trình sau:
A. Sấy, chưng hơi, mài, nấu,...
B. Chưng hơi, xẻ ống vải dệt kim, cán nóng
C. Nấu, tẩy, chưng hơi, sấy,...
D. Nấu, sấy, giặt, cào lông,...

58. Có các nguyên tắc tạo hình trên vải như
A. In lưới phẳng, in lưới quay, in trục
B. In lưới phẳng, in trực tiếp, in trục
C. In phá màu, in lưới quay, in trục
D. In dự phòng, in lưới quay, in trục

59. Quy trình nhuộm thermosol
A. Có thể áp dụng nhuộm hoạt tính cho cotton
B. Không áp dụng nhuộm vải PES 100% cho may mặc
C. Chuyên áp dụng nhuộm vải PES 100% cho may mặc
D. Không áp dụng nhuộm hoạt tính cho cotton

60. Mục đích nhiệt định hình là nhằm
A. Bằng phẳng bề mặt
B. Bóng láng bề mặt
C. Đàn hồi
D. Tạo sự ổn định kích thước

61. Sấy là quá trình trung gian phục vụ cho bảo quản hoặc tạo thông số ổn định trong sản xuất. Có nhiều phương pháp sấy được áp dụng nhưng trong in nhuộm không áp dụng phương pháp
A. Hoá chất
B. Tiếp xúc
C. Gió nóng
D. Cao tần

62. Kiểm tra phân loại vải mộc trước khi chế biến là bước công nghệ nhằm: Phân chia vải đúng loại, lấy vải đúng kích thước, đúng cấu trúc, may nối các tấm vải và...
A. Loại bỏ mẩu kim loại trên máy
B. Xén đầu xơ
C. Tẩy vết bẩn cục bộ trên mặt vải
D. Đánh dấu biên vải

63. Ngấm ép là phương pháp phổ biến trong cấp hoá chất lên vải. Ta có thể thấy ứng dụng phương pháp này trong công nghệ
A. Nhuộm jigger
B. Nhuộm winch
C. Nhuộm jet
D. Nhuộm cuộn ủ lạnh

64. Xét theo tính tan, thuốc nhuộm được chia làm 2 loại: tan và không tan. Thuốc nhuộm tan gồm những thuốc nhuộm sau:
A. Sulphur, trực tiếp, cation,...
B. Phân tán, naphtol, phức kim loại,...
C. Hoạt tính, trực tiếp, phân tán,...
D. Hoạt tính, hoàn nguyên, axit,...

65. Giai đoạn công nghệ nhằm: (i) hoà tan tạp chất tan; (ii) phá huỷ chất đơn giản; (iii) xà phòng hoá các chất dầu thực vật và (iv) nhũ hoá dầu khoáng; là công đoạn:
A. Tẩy
B. Giặt
C. Làm bóng
D. Nấu

66. Hoàn tất cơ học bao gồm:
A. Sanfor, cán axit (len), cào lông,...
B. Giảm trọng (PES), cán ủi, xén đầu xơ,...
C. Mài mặt vải, chuội keo, ép nhăn,...
D. Sanfor, cán ủi, xén đầu xơ,...

67. Hoàn tất không đặt mục tiêu
A. Cải thiện bề mặt vải
B. Cải thiện tính chất vải liên quan đến may mặc
C. Cải thiện tính chất vải liên quan đến sử dụng
D. Cải tiến quá trình may mặc

68. Hãy tìm mệnh đề đúng
A. Hồi in là số khuôn in trong mẫu hoa
B. Hồi hoa là số màu trong mẫu hoa
C. Hồi in là sự phối màu trong bộ khuôn in để tạo ra mẫu hoa hài hoà
D. Hồi in là khoảng thời gian thực hiện in một mẫu hoa

69. Quá trình in hoa gồm 4 bước công nghệ nối tiếp sau
A. Đưa hồ in lên mặt vải - sấy - gắn màu - giặt sấy
B. Đưa hồ in lên mặt vải - gắn màu - giặt - sấy
C. Đưa hồ in lên mặt vải - gắn màu - sấy - hồ hoàn tất
D. Đưa hồ in lên mặt vải - sấy - gắn màu - giặt

70. Công nghệ in chồng màu mà trong hồ in này cản trở sự gắn màu trong hồ in kia thuộc về công nghệ in
A. Dự phòng
B. Phá màu
C. Phá gắn
D. Bóc màu

71. Máy jet thuộc loại máy
A. Dung dịch động, vật liệu động
B. Dung dịch tĩnh, vật liệu động
C. Dung dịch động, vật liệu tĩnh
D. Dung dịch tĩnh, vật liệu tĩnh

72. In lưới phẳng có thể áp dụng cho
A. Vải mỏng, nhạy cảm và vân hoa nét mảnh
B. Vải mỏng, vân hoa sọc dọc
C. Vải dày, vân hoa sọc dọc
D. Vải dày, bo tròn trắng trên nền màu

73. Trong nhuộm jigger dễ gặp các dạng lỗi
A. Đậm màu trên gút sợi
B. Khác ánh đầu và cuối cuộn
C. Loang màu bất kỳ
D. Tất cả các dạng lỗi trên

74. Thuốc nhuộm mà khi nhuộm thể hiện tính tự di, khi nhuộm xong thể hiện tính bất di, đó la thuốc nhuộm
A. Hoạt tính
B. Axit
C. Cation
D. Naphtol

75. Quy trình nhuộm phải có giai đoạn oxy hoá chất màu về dạng không tan được áp dụng cho lớp thuốc nhuộm
A. Hoàn nguyên và sulphur
B. Hoàn nguyên và cầm màu
C. Sulphur và hoạt tính
D. Tất cả đều sai

Hết Đề số 4

CN Bộ Môn

TP Hồ chí Minh, ngày 08/12/12
GV soạn đề

ĐH BK Tp HCM
Khoa CK-BM KT DM

Đáp án
Môn CSCN HoanTat All
Tổng số điểm: 10.05

Phần Trắc nghiệm (mỗi câu .134 điểm)

Câu-Đề 1	Câu-Đề 2	Câu-Đề 3	Câu-Đề 4
. 01-A	. 01-A	. 01-A	. 01-C
. 02-B	. 02-B	. 02-C	. 02-B
. 03-D	. 03-C	. 03-B	. 03-B
. 04-B	. 04-C	. 04-B	. 04-C
. 05-D	. 05-A	. 05-D	. 05-C
. 06-C	. 06-C	. 06-A	. 06-A
. 07-D	. 07-A	. 07-C	. 07-B
. 08-B	. 08-B	. 08-C	. 08-C
. 09-A	. 09-B	. 09-D	. 09-A
. 10-C	. 10-C	. 10-A	. 10-C
. 11-A	. 11-C	. 11-D	. 11-B
. 12-C	. 12-D	. 12-C	. 12-B
. 13-D	. 13-B	. 13-C	. 13-A
. 14-A	. 14-C	. 14-C	. 14-A
. 15-C	. 15-C	. 15-A	. 15-C
. 16-D	. 16-D	. 16-D	. 16-C
. 17-C	. 17-B	. 17-B	. 17-C
. 18-C	. 18-D	. 18-D	. 18-D
. 19-C	. 19-A	. 19-A	. 19-C
. 20-C	. 20-A	. 20-D	. 20-D
. 21-D	. 21-C	. 21-A	. 21-B
. 22-D	. 22-A	. 22-D	. 22-A
. 23-A	. 23-C	. 23-A	. 23-A
. 24-D	. 24-C	. 24-B	. 24-B
. 25-D	. 25-C	. 25-D	. 25-B
. 26-A	. 26-C	. 26-A	. 26-C
. 27-B	. 27-C	. 27-B	. 27-D
. 28-B	. 28-C	. 28-D	. 28-A
. 29-B	. 29-B	. 29-B	. 29-B
. 30-B	. 30-B	. 30-D	. 30-B
. 31-B	. 31-C	. 31-D	. 31-D
. 32-B	. 32-C	. 32-A	. 32-B
. 33-B	. 33-B	. 33-A	. 33-D
. 34-B	. 34-A	. 34-C	. 34-C
. 35-D	. 35-B	. 35-C	. 35-A
. 36-A	. 36-A	. 36-B	. 36-D
. 37-A	. 37-A	. 37-B	. 37-D
. 38-C	. 38-B	. 38-D	. 38-A
. 39-D	. 39-C	. 39-D	. 39-B
. 40-D	. 40-B	. 40-B	. 40-B
. 41-C	. 41-D	. 41-C	. 41-A
. 42-A	. 42-A	. 42-B	. 42-D
. 43-C	. 43-A	. 43-B	. 43-A
. 44-A	. 44-C	. 44-D	. 44-B
. 45-B	. 45-D	. 45-B	. 45-D
. 46-D	. 46-D	. 46-A	. 46-B

. 47-A	. 47-C	. 47-A	. 47-B
. 48-A	. 48-B	. 48-C	. 48-A
. 49-B	. 49-C	. 49-C	. 49-A
. 50-D	. 50-B	. 50-A	. 50-A
. 51-D	. 51-C	. 51-B	. 51-A
. 52-A	. 52-C	. 52-D	. 52-C
. 53-B	. 53-A	. 53-D	. 53-C
. 54-D	. 54-C	. 54-D	. 54-C
. 55-B	. 55-C	. 55-B	. 55-D
. 56-A	. 56-C	. 56-C	. 56-D
. 57-D	. 57-B	. 57-A	. 57-C
. 58-A	. 58-C	. 58-C	. 58-A
. 59-B	. 59-B	. 59-B	. 59-B
. 60-B	. 60-D	. 60-B	. 60-D
. 61-B	. 61-C	. 61-C	. 61-A
. 62-C	. 62-A	. 62-A	. 62-C
. 63-B	. 63-A	. 63-C	. 63-D
. 64-C	. 64-A	. 64-A	. 64-C
. 65-B	. 65-C	. 65-B	. 65-D
. 66-A	. 66-C	. 66-D	. 66-D
. 67-C	. 67-A	. 67-C	. 67-D
. 68-C	. 68-C	. 68-C	. 68-C
. 69-A	. 69-A	. 69-D	. 69-A
. 70-C	. 70-C	. 70-C	. 70-A
. 71-B	. 71-A	. 71-B	. 71-A
. 72-D	. 72-A	. 72-C	. 72-A
. 73-A	. 73-B	. 73-A	. 73-B
. 74-A	. 74-C	. 74-B	. 74-A
. 75-C	. 75-B	. 75-D	. 75-A

Hết

TP Hồ chí Minh, ngày 08/12/12